

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - TKV**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	2 - 4
<b>2. Báo cáo kiểm toán</b>	5
<b>3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
- Bảng cân đối kế toán	6 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
- Thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 31

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - TKV**

Địa chỉ: Số 01 Phố Tân Lập - Phường Hà Lâm - Thành phố Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - TKV (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Than Hà Lâm – TKV là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Than Hà Lâm) theo Quyết định số 3672/QĐ-BCN ngày 18/12/2006 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Công ty là đơn vị thành viên (công ty con) của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2203001252 ngày 01 tháng 02 năm 2008.

**2. Các thành viên của Ban Giám đốc.**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Thành viên Hội đồng Quản trị:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Lê Minh Chuẩn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông Phạm Công Hương	Thành viên
- Ông Cao Bá Ái	Thành viên
- Ông Vũ Thanh Nhân	Thành viên
- Ông Ngô Thế Phiệt	Thành viên

Thành viên Ban giám đốc:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Phạm Công Hương	Giám đốc
- Ông Vũ Thanh Nhân	Phó Giám đốc
- Ông Phạm Khắc Thù	Phó Giám đốc
- Ông Ngô Thế Phiệt	Phó Giám đốc
- Ông Trần Mạnh Cường	Phó Giám đốc
- Ông Trương Ngọc Linh	Phó Giám đốc

**3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở tại Số 01 Phố Tân Lập, Phường Hà Lâm, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

**4. Hoạt động chính**

Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, hoạt động chính của Công ty là Khai thác, chế biến và kinh doanh than; Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, ăn uống. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

**5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

**6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**7. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH BDO Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty.

**8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 16148/BTC-CĐKT ngày 20 tháng 12 năm 2006 và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - TKV**

Địa chỉ: Số 01 Phố Tân Lập - Phường Hà Lâm - Thành phố Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

**9. Ý kiến của Ban Giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 3 năm 2010

**GIÁM ĐỐC**

**PHẠM CÔNG HƯƠNG**

Số: /2010/BCKT-BDO\_HN

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2010

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - TKV**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - TKV bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 6 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - TKV. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - TKV cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng cuộc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

### **Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - TKV, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 16148/BTC-CĐKT ngày 20 tháng 12 năm 2006 và các quy định pháp lý có liên quan.

**Đại diện cho Công ty TNHH BDO Việt Nam,  
Chi nhánh Hà Nội**

**Nguyễn Như Tiến**  
Giám đốc Kiểm toán  
Chứng chỉ KTV số: 0449/KTV

**Nguyễn Hồng Quang**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số: 0576/KTV

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - TKV**

Địa chỉ: Số 01 Phố Tân Lập, Phường Hà Lâm, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>115.443.299.096</b>	<b>267.382.484.006</b>
<b>Tiền và tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>4.638.960.799</b>	<b>5.194.549.305</b>
Tiền	111		4.638.960.799	5.194.549.305
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>53.768.572.766</b>	<b>163.598.462.271</b>
Phải thu khách hàng	131		4.829.754.482	80.646.998.976
Trả trước cho người bán	132		48.272.045.804	4.133.849.213
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Các khoản phải thu khác	135	<b>5.2</b>	666.772.480	78.817.614.082
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>54.426.802.421</b>	<b>92.465.037.734</b>
Hàng tồn kho	141	<b>5.3</b>	54.426.802.421	92.465.037.734
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.608.963.110</b>	<b>6.124.434.696</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.568.963.110	6.104.434.696
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.4	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		40.000.000	20.000.000
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>697.617.636.596</b>	<b>341.315.485.711</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Khoản phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>694.543.752.595</b>	<b>331.062.113.086</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	<b>5.5</b>	419.185.832.492	314.184.195.697
- Nguyên giá	222		815.816.793.550	613.965.456.800
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(396.630.961.058)	(299.781.261.103)
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>5.6</b>	<b>481.361.981</b>	<b>69.887.761</b>
- Nguyên giá	228		710.302.000	242.008.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(228.940.019)	(172.120.239)
Chi phí XDCCB dở dang	230	<b>5.7</b>	274.876.558.122	16.808.029.628
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>300.000.000</b>	<b>5.300.000.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258	5.8	300.000.000	5.300.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.773.884.001</b>	<b>4.953.372.625</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	1.215.516.001	4.953.372.625
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		1.558.368.000	-
<b>CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>813.060.935.692</b>	<b>608.697.969.717</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - TKV**

Địa chỉ: Số 01 Phố Tân Lập, Phường Hà Lâm, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>680.356.606.887</b>	<b>494.119.318.970</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>220.777.916.950</b>	<b>277.315.702.559</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	10.135.773.960	95.257.020.060
Phải trả người bán	312		105.339.139.033	102.303.622.412
Người mua trả tiền trước	313		23.640.630.167	-
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	22.322.167.262	11.093.862.948
Phải trả người lao động	315		45.024.577.083	44.402.529.754
Chi phí phải trả	316	5.12	2.019.414.860	4.854.379.286
Phải trả nội bộ	317		5.657.866.461	16.472.388.555
Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng XD	318		-	-
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	6.638.348.124	2.931.899.544
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>459.578.689.937</b>	<b>216.803.616.411</b>
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334	5.14	454.487.240.889	214.758.045.399
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		4.761.943.394	2.045.571.012
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		329.505.654	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>132.704.328.805</b>	<b>114.578.650.747</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>121.446.804.756</b>	<b>109.630.959.140</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.15	93.000.000.000	93.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.662.861.474	1.155.227.807
Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		1.105.444.093	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		8.180.062.388	3.236.798.500
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.548.436.801	1.078.932.833
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13.950.000.000	11.160.000.000
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>11.257.524.049</b>	<b>4.947.691.607</b>
Quỹ khen thưởng phúc lợi	431		11.257.524.049	4.947.691.607
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>813.060.935.692</b>	<b>608.697.969.717</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - TKV**

Địa chỉ: Số 01 Phố Tân Lập, Phường Hà Lâm, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại		-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ngày 02 tháng 3 năm 2010

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC**

**CHU DUY HẢI**

**PHẠM CÔNG HƯƠNG**

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - TKV**

Địa chỉ: Số 01 Phố Tân Lập, Phường Hà Lâm, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2009</b>	<b>Từ 01/02/2008 đến 31/12/2008</b>
<b>Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ</b>	01	6.1	<b>1.065.626.420.041</b>	<b>810.182.742.056</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	-
<b>Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ</b>	10	6.3	<b>1.065.626.420.041</b>	<b>810.182.742.056</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.4	872.946.524.199	628.651.716.638
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV</b>	20		<b>192.679.895.842</b>	<b>181.531.025.418</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	404.283.540	421.620.286
Chi phí hoạt động tài chính	22	6.6	20.826.201.686	26.052.969.864
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>18.267.623.011</i>	<i>26.052.969.864</i>
Chi phí bán hàng	24		40.673.862.659	30.827.322.640
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		91.942.043.707	91.714.041.095
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>39.642.071.330</b>	<b>33.358.312.105</b>
Thu nhập khác	31		18.246.615.720	7.840.262.953
Chi phí khác	32		17.524.244.509	7.957.510.282
<b>Lợi nhuận khác</b>	40		<b>722.371.211</b>	<b>(117.247.329)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>40.364.442.541</b>	<b>33.241.064.776</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	10.211.769.195	10.073.963.511
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	60		<b>30.152.673.346</b>	<b>23.167.101.265</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70		<b>3.242,22</b>	<b>2.491,09</b>

Ngày 02 tháng 3 năm 2010

**KẾ TOÁN TRƯỞNG****GIÁM ĐỐC****CHU DUY HẢI****PHẠM CÔNG HƯƠNG**

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - TKV**

Địa chỉ: Số 01 Phố Tân Lập, Phường Hà Lâm, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH**

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp năm trước chuyển qua	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển qua năm sau
B	C	1	2	3	4=(1+2-3)
<b>Thuế</b>	<b>10</b>	<b>4.989.428.252</b>	<b>78.268.117.783</b>	<b>63.504.341.883</b>	<b>19.753.204.152</b>
Thuế GTGT hàng bán ND	11	(6.104.434.696)	13.678.460.057	10.142.988.471	(2.568.963.110)
Thuế GTGT hàng NK	12				
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	13				
Thuế Xuất, nhập khẩu	14				
Thuế Thu nhập DN	15	5.489.132.162	10.287.177.126	10.084.418.549	5.691.890.739
Thuế Tài nguyên	16	5.101.996.786	39.409.404.374	33.790.682.863	10.720.718.297
Thuế Nhà đất	17				
Tiền thuê đất	18				
Các khoản thuế khác	19	502.734.000	14.893.076.226	9.486.252.000	5.909.558.226
<i>Thuế môn bài</i>					
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>					
<i>Các loại thuế khác</i>		502.734.000	14.893.076.226	9.486.252.000	5.909.558.226
<b>Các khoản phải nộp khác</b>	<b>30</b>	-	-	-	-
Các khoản phụ thu	31				
Các khoản phí, lệ phí	32				
Các khoản khác	33				
Thu điều tiết					
Các khoản nộp phạt					
Nộp khác					
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>40</b>	<b>4.989.428.252</b>	<b>78.268.117.783</b>	<b>63.504.341.883</b>	<b>19.753.204.152</b>
<b>(40=10+30)</b>					

Ngày 02 tháng 3 năm 2010

**KẾ TOÁN TRƯỞNG****GIÁM ĐỐC****CHU DUY HẢI****PHẠM CÔNG HƯƠNG**

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - TKV**

Địa chỉ: Số 01 Phố Tân Lập, Phường Hà Lâm, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: VND

<b>KHOẢN MỤC</b>	<b>Mã số</b>	<b>2009</b>	<b>Từ 01/02/2008 đến 31/12/2008</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	01	<b>40.364.442.541</b>	<b>33.241.064.776</b>
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	100.441.616.276	88.316.792.332
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	2.558.578.675	2.210.459.639
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	404.283.540	-
- Chi phí lãi vay	06	18.267.623.011	26.052.969.864
<b>Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</b>	08	<b>162.036.544.043</b>	<b>149.821.286.611</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	140.303.872.661	(123.514.609.181)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	37.915.506.453	(97.525.194.790)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(178.641.510.244)	105.516.174.547
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.737.856.624)	(2.058.368.996)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(20.533.442.194)	(21.198.590.578)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(10.084.418.549)	(6.193.902.437)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	18.246.615.720	86.024.963
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(154.176.709.858)	(60.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ động kinh doanh</b>	20	<b>(8.671.398.592)</b>	<b>4.872.820.139</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ H. ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(205.589.159.364)	(73.639.613.055)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH	22	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(4.300.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.000.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	421.620.286
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(200.589.159.364)</b>	<b>(77.517.992.769)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ H. ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	533.029.923.373	381.324.657.876
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(313.164.953.923)	(329.764.836.988)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.160.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>208.704.969.450</b>	<b>51.559.820.888</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>			
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	50	<b>(555.588.506)</b>	<b>(21.085.351.742)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	60	<b>5.194.549.305</b>	<b>26.279.901.047</b>
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	<b>4.638.960.799</b>	<b>5.194.549.305</b>

Ngày 02 tháng 3 năm 2010

**KẾ TOÁN TRƯỞNG****GIÁM ĐỐC****CHU DUY HẢI****PHẠM CÔNG HƯƠNG**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

### **1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - TKV là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Than Hà Lâm) theo Quyết định số 3672/QĐ-BCN ngày 18/12/2006 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Công ty là đơn vị thành viên (công ty con) của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2203001252 ngày 01 tháng 02 năm 2008. Theo đó hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Khai thác, chế biến, tiêu thụ than và các khoáng sản khác;
- Chế tạo, sửa chữa, phục hồi thiết bị mỏ, phương tiện vận tải và các sản phẩm cơ khí khác;
- Xây dựng các công trình mỏ, công nghiệp, giao thông, dân dụng, đường dây và trạm;
- Vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Quản lý, khai thác cảng lẻ;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, ăn uống, du lịch lữ hành trong nước và quốc tế;
- Kinh doanh xuất khẩu máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng hàng hoá phục vụ sản xuất và đời sống.

Công ty có trụ sở tại Số 01 Phố Tân Lập, Phường Hà Lâm, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty là 4.323 người, trong đó số nhân viên quản lý là 262 người.

### **2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc tại ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 16148/BTC-CDKT ngày 20/12/2006.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

### **4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

#### **4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

#### **4.2 Các giao dịch ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

Khoản chênh lệch giữa tỷ giá sau khi quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 do Ngân hàng Nhà nước công bố với tỷ giá đang hạch toán trên sổ kế toán được xử lý như sau:

- Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được phản ánh tại mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên Bảng cân đối kế toán. Đầu năm sau, số dư sẽ được hạch toán ngược lại để xoá số dư.
- Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn (trên 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính thì được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính.

**4.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- |   |  |
|---|--|
| - Giá trị nguyên vật liệu, CCDC, hàng hoá         | Nhập trước xuất trước.   |
| - Thành phẩm tồn kho và chi phí SXKD dở dang than | Giá trị được xác định theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho số lỗ ước tính phát sinh khi giá gốc vượt quá giá trị có thể thực hiện được của hàng tồn kho vào ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào khoản mục giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

**4.4 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh

Khấu hao TSCĐ hữu hình và khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

---

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

<b>Loại tài sản cố định:</b>	<b>Thời gian (năm)</b>
<b><i>Tài sản cố định hữu hình</i></b>	
Máy móc thiết bị	5 – 10
Thiết bị văn phòng	3 – 8
Phương tiện vận tải	6 – 10
Nhà xưởng	5 – 25
<b><i>Tài sản cố định vô hình</i></b>	
Phần mềm kế toán	3

**4.5 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn mua cổ phần của các Công ty khác trong cùng Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Công ty ghi nhận cổ tức được chia khi nhận được thông báo chính thức về số cổ tức được hưởng trong kỳ theo nguyên tắc dồn tích.

**4.6 Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

**4.7 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

**4.8 Doanh thu**

Doanh thu bán than thành phẩm được ghi nhận khi than thành phẩm đã giao cho khách hàng kèm biên bản nghiệm thu bàn giao và được khách hàng chấp nhận thanh toán, không phụ thuộc đã thu tiền hay chưa.

Doanh thu xây dựng cơ bản tự làm được ghi nhận khi công trình xây dựng cơ bản tự làm hoàn thành và có quyết toán được phê duyệt theo quy định tại Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ dịch vụ nhà nghỉ và nhà khách được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và doanh thu có thể được xác định một cách chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm, lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ, cổ tức lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận dựa trên thông báo của ngân hàng, tổ chức tài chính và các đơn vị mà Công ty mua cổ phần.

### **4.9 Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm tài chính, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ. Trong đó chi phí lãi tiền vay bao gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

### **4.10 Thuế**

#### ***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Hàng hóa, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu các mức thuế suất thuế GTGT như sau:

- Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với doanh thu bán than : 5%.
- Xây dựng và các loại dịch vụ, vật tư hàng hóa khác : 10%

Thuế GTGT đối với doanh thu bán than được giảm 50% mức thuế suất theo Quyết định 16/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 21 tháng 01 năm 2009 và Thông tư 13/2009/TT-BTC ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài chính.

#### ***Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN):***

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 25%.

Chi phí thuế TNDN trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

***Các loại thuế khác:*** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

### **4.11 Khoản phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc năm tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

		<b>31/12/2009</b> <b>(VND)</b>	<b>01/01/2009</b> <b>(VND)</b>
Tiền mặt tại quỹ	(i)	189.044.089	565.580.040
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	4.449.916.710	4.628.969.265
Các khoản tương đương tiền		-	-
<b>Cộng</b>		<b>4.638.960.799</b>	<b>5.194.549.305</b>

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2009 bao gồm:

	<b>VND</b>
Đồng Việt Nam	189.044.089
<b>Cộng</b>	<b>189.044.089</b>

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2009 bao gồm:

	<b>VND</b>
<b>Đồng Việt Nam</b>	
Ngân hàng Công thương Quảng Ninh	1.102.197.048
Ngân hàng Ngoại thương Quảng Ninh	3.280.219.241
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	67.500.421
<b>Cộng</b>	<b>4.449.916.710</b>

**5.2 Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2009</b> <b>(VND)</b>	<b>01/01/2009</b> <b>(VND)</b>
Nộp quá tiền BHXH, BHYT	289.476.483	-
Phải thu khác	377.295.997	78.817.614.082
<b>Cộng</b>	<b>666.772.480</b>	<b>78.817.614.082</b>

**5.3 Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2009</b> <b>(VND)</b>	<b>01/01/2009</b> <b>(VND)</b>
Nguyên liệu, vật liệu	16.502.411.970	21.838.662.669
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.181.659.796	12.114.737.207
Thành phẩm	35.606.038.950	58.511.637.858
Hàng hóa	136.691.705	-
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>54.426.802.421</b>	<b>92.465.037.734</b>

---

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

- (i) Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31/12/2009:

	<b>VND</b>
Than	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>

- (ii) Giá trị trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tăng thêm tại ngày 31/12/2009:

	<b>VND</b>
Nguyên vật liệu	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>

**5.4 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Thuế GTGT được khấu trừ	2.568.963.110	6.104.434.696
Thuế GTGT nộp thừa	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.568.963.110</b>	<b>6.104.434.696</b>

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

**5.5 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị Văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	208.506.296.222	248.414.754.632	140.317.623.393	16.726.782.553	613.965.456.800
- Mua trong năm		141.495.520.165	18.576.732.096	5.312.841.288	165.385.093.549
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	40.204.065.915				40.204.065.915
- Tặng khác					
- Thanh lý, nhượng bán		1.814.272.214	1.923.550.500		3.737.822.714
- Giảm khác					
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>248.710.362.137</b>	<b>388.096.002.583</b>	<b>156.970.804.989</b>	<b>22.039.623.841</b>	<b>815.816.793.550</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>					
Số dư đầu năm	109.848.179.166	109.322.988.227	73.251.329.555	7.358.764.155	299.781.261.103
- Khấu hao trong năm	17.161.137.742	60.779.207.386	16.598.414.932	4.777.631.430	99.316.391.490
- Tặng khác (Hao mòn)	1.068.405.006				1.068.405.006
- Thanh lý, nhượng bán		1.814.272.214	1.720.824.327		3.535.096.541
- Giảm khác					
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>128.077.721.914</b>	<b>168.287.923.399</b>	<b>88.128.920.160</b>	<b>12.136.395.585</b>	<b>396.630.961.058</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>98.658.117.056</b>	<b>139.091.766.405</b>	<b>67.066.293.838</b>	<b>9.368.018.398</b>	<b>314.184.195.697</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>120.632.640.223</b>	<b>219.808.079.184</b>	<b>68.841.884.829</b>	<b>9.903.228.256</b>	<b>419.185.832.492</b>
Trong đó: - Thẻ chấp, cầm cố					
- Hết KH vẫn sử dụng	84.763.702.031	72.588.592.690	48.899.915.004	3.884.998.699	210.137.208.424
- Chờ thanh lý					

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

**5.6 Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm kế toán VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	242.008.000	-	242.008.000
- Mua trong năm	468.294.000	-	468.294.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>710.302.000</b>	<b>-</b>	<b>710.302.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Số dư đầu năm	172.120.239	-	172.120.239
- Khấu hao trong năm	56.819.780	-	56.819.780
- Tăng khác	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>228.940.019</b>	<b>-</b>	<b>228.940.019</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>69.887.761</b>	<b>-</b>	<b>69.887.761</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>481.361.981</b>	<b>-</b>	<b>481.361.981</b>

**5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>274.876.558.122</b>	<b>16.808.029.628</b>
Nhà tập thể công nhân	304.767.818	16.748.996.786
Xây dựng kho mìn	-	59.032.842
Dự án khai thác phần dưới mức -50	274.571.790.304	-
<b>Sửa chữa lớn TSCĐ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>274.876.558.122</b>	<b>16.808.029.628</b>

**5.8 Đầu tư dài hạn khác**

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Đầu tư dài hạn khác	(i) 300.000.000	5.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>300.000.000</b>	<b>5.300.000.000</b>

- (i) Đầu tư dài hạn khác tại ngày 31/12/2009 là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Bóng đá - TKV. Giá trị đầu tư dài hạn của Công ty tại ngày 31/12/2009 là giá trị cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bóng đá TKV mà Công ty đang nắm giữ, được phản ánh theo giá gốc. Do cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bóng đá TKV chưa được niêm yết trên Thị trường chứng khoán nên không đủ căn cứ để đánh giá mức giảm giá cũng như trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này.

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

**5.9 Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Giá trị lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa	-	3.456.060.238
Chi phí lập phương án TKKT, thiết kế bản vẽ thi công duy trì sản xuất giai đoạn 2008-2011	936.255.778	1.404.383.667
Chi phí DA khai thác than lộ thiên K2 vỉa 11	279.260.223	92.928.720
<b>Cộng</b>	<b>1.215.516.001</b>	<b>4.953.372.625</b>

**5.10 Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>10.135.773.960</b>	<b>10.135.773.960</b>
- Ngân hàng Ngoại thương Quảng Ninh	10.135.773.960	10.135.773.960
- Các đối tượng khác	-	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>10.135.773.960</b>	<b>10.135.773.960</b>

**5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.691.890.739	5.489.132.162
Thuế tài nguyên	10.720.718.297	5.101.996.786
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.909.558.226	502.734.000
<b>Cộng</b>	<b>22.322.167.262</b>	<b>11.093.862.948</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.12 Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Trích trước chi phí lãi vay	1.587.236.808	4.801.849.033
Tiền thuê đất	156.749.641	-
Tiền thuê bảo vệ đường vận chuyển than	189.211.040	-
Cước điện thoại tháng 12	74.754.198	-
Chi phí phải trả khác	11.463.173	52.530.253
<b>Cộng</b>	<b>2.019.414.860</b>	<b>4.854.379.286</b>

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

**5.13 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>31/12/2009</u> (VND)	<u>01/01/2009</u> (VND)
Kinh phí công đoàn	1.863.667.655	905.346.657
Các khoản phải trả phải nộp khác (i)	4.774.680.469	2.026.552.887
<b>Cộng</b>	<b><u>6.638.348.124</u></b>	<b><u>2.931.899.544</u></b>

(i) Các khoản phải trả, phải nộp khác tại ngày 31/12/2009 bao gồm:

	<u>VND</u>
Tiền lương lĩnh chậm	261.593.634
Quỹ hỗ trợ Văn hóa thể thao	80.168.928
Quỹ phòng xóa đói giảm nghèo	44.977.440
Cổ tức năm 2008 chưa trả	186.000.000
Tiền cán bộ CNV vay vốn phải thanh toán Ngân hàng	295.175.762
Tiền đảm bảo dự thầu	3.218.400.000
Thuế TNCN	540.793.852
Phải trả, phải nộp khác	147.570.854
<b>Cộng</b>	<b><u>4.774.680.469</u></b>

**5.14 Vay và nợ dài hạn**

	<u>31/12/2009</u> (VND)	<u>01/07/2009</u> (VND)
<b>Vay dài hạn</b>	<b>454.487.240.889</b>	<b>214.758.045.399</b>
- Vay ngân hàng (i)	361.449.901.787	160.861.345.276
- Vay đối tượng khác (ii)	93.037.339.102	53.896.700.123
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>454.487.240.889</u></b>	<b><u>214.758.045.399</u></b>

(i) Số dư tiền vay ngân hàng tại 31/12/2009 bao gồm:

		<u>VND</u>
Ngân hàng Công thương Quảng Ninh	a)	284.139.268.356
Ngân hàng Ngoại thương Quảng Ninh	b)	53.532.308.431
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	c)	23.778.325.000
<b>Cộng</b>		<b><u>361.449.901.787</u></b>

(ii) Số dư tiền vay đối tượng khác tại 31/12/2009 bao gồm:

		<u>VND</u>
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	d)	91.800.382.874
Quỹ môi trường Tập đoàn TKV		735.544.955
Công đoàn Công ty		501.411.273
<b>Cộng</b>		<b><u>93.037.339.102</u></b>

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

- a) Khoản vay ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh bao gồm 07 hợp đồng với tổng số dư nợ vay tại ngày 31/12/2009 là 284.139.268.356 VND với lãi suất từ 10,5%/năm đến 11,4%/năm và có thời hạn từ 5 đến 12 năm. Hình thức đảm bảo tiền vay là tín chấp.
- b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh bao gồm 04 hợp đồng với tổng số dư nợ vay tại ngày 31/12/2009 là 53.532.308.431 VND với lãi suất 10,5%/năm và có thời hạn từ 3 đến 6 năm. Hình thức đảm bảo tiền vay là tín chấp.
- c) Khoản vay ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội - Chi nhánh Quảng Ninh bao gồm 01 hợp đồng với tổng số dư nợ vay tại ngày 31/12/2009 là 23.778.325.000 VND với lãi suất 10,5%/năm có thời hạn vay là 60 tháng. Hình thức đảm bảo tiền vay là tín chấp.
- d) Khoản vay Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam bao gồm: 01 hợp đồng vay bằng tiền Việt Nam với tổng số dư nợ vay tại ngày 31/12/2009 là 30.934.499.796 VND với lãi suất 10,4%/năm và có thời hạn 5 năm; 04 hợp đồng vay bằng tiền Đô la Mỹ với tổng số dư nợ vay là 3.392.558 USD tương đương 60.865.883.078 VND với lãi suất từ 1,088%/năm đến 2,99%/năm và có thời hạn từ 5 đến 6 năm. Hình thức đảm bảo tiền vay là tín chấp.

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

**5.15 Vốn chủ sở hữu**

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<i>Vốn đầu tư của chủ SH</i>	<i>Vốn khác của CSH</i>	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
	VND	VND		VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>93.000.000.000</b>	-	-	-	-	-	<b>93.000.000.000</b>
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	23.167.101.265	23.167.101.265
- Tăng khác	-	1.155.227.807	-	3.236.798.500	1.078.932.833	-	5.470.959.140
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	12.007.101.265	12.007.101.265
<b>Số dư cuối năm trước/đầu năm nay</b>	<b>93.000.000.000</b>	<b>1.155.227.807</b>	-	<b>3.236.798.500</b>	<b>1.078.932.833</b>	<b>11.160.000.000</b>	<b>109.630.959.140</b>
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	1.507.633.667	1.105.444.093	4.943.263.888	1.469.503.968	13.950.000.000	22.975.845.616
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	11.160.000.000	11.160.000.000
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>93.000.000.000</b>	<b>2.662.861.474</b>	<b>1.105.444.093</b>	<b>8.180.062.388</b>	<b>2.548.436.801</b>	<b>13.950.000.000</b>	<b>121.446.804.756</b>



**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Vốn góp của Nhà nước	53.431.530.000	53.431.530.000
Vốn góp của đối tượng khác	39.568.470.000	39.568.470.000
<b>Cộng</b>	<b>93.000.000.000</b>	<b>93.000.000.000</b>

*Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	<b>2009</b>	<b>2008</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>93.000.000.000</b>	<b>93.000.000.000</b>
Vốn góp đầu năm	93.000.000.000	93.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	93.000.000.000	93.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>13.950.000.000</b>	<b>12.007.101.265</b>

*Cổ tức*

	<b>2009</b>	<b>2008</b>
	<b>(%)</b>	<b>(%)</b>
<b>Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm</b>		
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	15%	12%
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
<b>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận</b>		

*Cổ phiếu*

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>9.300.000</b>	<b>9.300.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>9.300.000</b>	<b>9.300.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	9.300.000	9.300.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>9.300.000</b>	<b>9.300.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	9.300.000	9.300.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Các quỹ của doanh nghiệp*

	<b>31/12/2009</b> <b>(VND)</b>	<b>01/01/2009</b> <b>(VND)</b>
Quỹ đầu tư phát triển	8.180.062.388	3.236.798.500
Quỹ dự phòng tài chính	2.548.436.801	1.078.932.833
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.728.499.189</b>	<b>4.315.731.333</b>

- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh của Công ty, bổ sung vốn điều lệ và chịu sự huy động của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.
- Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, được dùng để bù đắp các tổn thất do thiên tai dịch họa và rủi ro trong kinh doanh làm mất vốn của Công ty.

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>2009</b> <b>(VND)</b>	<b>Từ 01/02/2008</b> <b>đến 31/12/2008</b> <b>(VND)</b>
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.065.626.420.041</b>	<b>810.182.742.056</b>
Doanh thu bán hàng	1.042.034.881.274	810.182.742.056
Doanh thu Xây dựng cơ bản tự làm	19.959.290.106	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.632.248.661	-

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<b>2009</b> <b>(VND)</b>	<b>Từ 01/02/2008</b> <b>đến 31/12/2008</b> <b>(VND)</b>
<b>Tổng các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-

**6.3 Doanh thu thuần**

	<b>2009</b> <b>(VND)</b>	<b>Từ 01/02/2008</b> <b>đến 31/12/2008</b> <b>(VND)</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.065.626.420.041</b>	<b>810.182.742.056</b>
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá	1.036.250.865.462	810.182.742.056
Doanh thu thuần XD/CB tự làm	-	-
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	29.375.554.579	-

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

**6.4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>2009 (VND)</b>	<b>Từ 01/02/2008 đến 31/12/2008 (VND)</b>
Giá vốn thành phẩm đã bán	849.354.985.432	628.651.716.638
Giá vốn Xây dựng cơ bản tự làm	19.959.290.106	
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	3.632.248.661	-
<b>Cộng</b>	<b>872.946.524.199</b>	<b>628.651.716.638</b>

**6.5 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2009 (VND)</b>	<b>Từ 01/02/2008 đến 31/12/2008 (VND)</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	404 283 540	421.620.286
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
<b>Cộng</b>	<b>404 283 540</b>	<b>421.620.286</b>

**6.6 Chi phí hoạt động tài chính**

	<b>2009 (VND)</b>	<b>Từ 01/02/2008 đến 31/12/2008 (VND)</b>
Chi phí lãi vay	18.267.623.011	26.052.969.864
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa hiện	2.558.578.675	-
<b>Cộng</b>	<b>20.826.201.686</b>	<b>26.052.969.864</b>

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>2009 (VND)</b>	<b>Từ 01/02/2008 đến 31/12/2008 (VND)</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.211.769.195	10.073.963.511
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế thu nhập của năm nay	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.211.769.195</b>	<b>10.073.963.511</b>

**7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Thông tin về các bên có liên quan**

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) và các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn được nhận biết là các bên có liên quan của Công ty.

Chi tiết giao dịch với các bên có liên quan được thể hiện tại Phụ lục đính kèm.

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

**7.2 Thông tin so sánh**

Số liệu được dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Bảng cân đối kế toán của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC).

Số liệu dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/02/2008 và kết thúc tại ngày 31/12/2008 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC).

Ngày 02 tháng 3 năm 2010

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC**

**CHU DUY HẢI**

**PHẠM CÔNG HƯƠNG**

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - TKV**

Địa chỉ: Số 01 Phố Tân Lập, Phường Hà Lâm, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

**PHỤ LỤC CHI TIẾT DOANH THU BÁN SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

<b>Đối tượng/Nội dung</b>	<b>Số tiền</b>
<b>Công ty tuyển than Hòn Gai - TKV</b>	<b>489.078.346.314</b>
Doanh thu bán than	489.078.346.314
<b>Công ty Kho vận Hòn Gai - TKV</b>	<b>546.772.597.777</b>
Doanh thu bán than	546.772.597.777
<b>Công ty kinh doanh Than Quảng Ninh - TKV</b>	<b>5.834.374.127</b>
Doanh thu bán bã xít xấu	5.304.100.500
Doanh thu bán bùn xít	479.915.312
Tưới nước chống bụi	50.358.315
<b>Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - TKV</b>	<b>20.359.211.477</b>
Doanh thu than tiêu thụ nội bộ	399.921.371
Doanh thu Xây dựng cơ bản tự làm	19.959.290.106
<b>Trường CD nghề mỏ Hồng Cẩm - TKV</b>	<b>48.394.000</b>
Doanh thu hướng dẫn sinh viên thực tập	48.394.000
<b>Trường CD nghề mỏ Hữu Nghị - TKV</b>	<b>21.238.571</b>
Doanh thu hướng dẫn sinh viên thực tập	21.238.571
<b>Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh</b>	<b>20.450.100</b>
Doanh thu hướng dẫn sinh viên thực tập	20.450.100
<b>Công ty TNHH 1 Thành viên 45 - Tổng Công ty Đông Bắc</b>	<b>180.378.000</b>
Doanh thu nhượng bán vật tư	180.378.000
<b>CN XN Cơ khí XD môi trường mỏ- Cty Xây dựng CT môi trường mỏ-TKV</b>	<b>459.284.265</b>
Doanh thu nhượng bán vật tư	459.284.265
<b>Công ty CP Công nghiệp Ô tô-TKV</b>	<b>1.058.520.000</b>
Doanh thu nhượng bán phế liệu	1.058.520.000
<b>Công ty Công nghiệp hoá chất mỏ Quảng Ninh - TKV</b>	<b>3.960.000</b>
Doanh thu cho thuê xe gạt	3.960.000
<b>XN vật tư vận tải Hòn Gai</b>	<b>19.035.240</b>
Doanh thu bán điện	19.035.240
<b>Công ty XD mỏ hầm lò 1-TKV</b>	<b>10.200.000</b>
Doanh thu dán nổi băng tải cao su	10.200.000
<b>Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc VVMI</b>	<b>13.442.000</b>
Doanh thu nhượng bán phế liệu	13.442.000
<b>Công ty CP than Núi Béo - TKV</b>	<b>676.378.754</b>
Doanh thu tưới nước chống bụi	190.589.679
Doanh thu cho thuê máng rót than	351.896.720
Doanh thu bán bánh mì	133.892.355
<b>Công ty CP Đầu tư TM &amp; DV TKV</b>	<b>19.120.000</b>
Doanh thu vận hành xe	19.120.000
<b>Công ty TNHH 1 TV than Nam Mẫu - TKV</b>	<b>13.200.000</b>
Doanh thu cho thuê tời	4.500.000
Doanh thu nhượng bán phụ tùng	8.700.000
<b>Công ty CP Cơ khí Mạo Khê</b>	<b>615.000.000</b>
Doanh thu nhượng bán phụ tùng	615.000.000
<b>Công ty CP Cơ khí ô tô Uông Bí</b>	<b>5.709.200</b>
Doanh thu nhượng bán phế liệu	5.709.200

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - TKV**

Địa chỉ: Số 01 Phố Tân Lập, Phường Hà Lâm, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

**PHỤ LỤC CHI TIẾT DOANH THU BÁN SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

<b>Đối tượng/Nội dung</b>	<b>Số tiền</b>
<b>Xí nghiệp Chế biến và Tiêu thụ than Hòn Gai</b>	<b>3.680.000</b>
Doanh thu bán bánh mỳ	3.680.000
<b>Công ty Đại chất mỏ - Trung tâm trắc địa bản đồ</b>	<b>3.080.000</b>
Thuê xe gạt	3.080.000
<b>Công ty TNHH 1 TV môi trường mỏ - TKV</b>	<b>3.351.975.202</b>
Doanh thu nhượng bán hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	3.341.718.552
Doanh thu bán điện	10.256.650
<b>Cộng</b>	<b>1.068.567.575.027</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - TKV**

Địa chỉ: Số 01 Phố Tân Lập, Phường Hà Lâm, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

**PHỤ LỤC CHI TIẾT CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đối tượng	Số tiền (VND)			
	131	331	336	341
<b>CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN</b>	<b>(18.810.875.685)</b>	<b>53.144.007.992</b>	<b>5.163.607.981</b>	
Công ty tuyển than Hòn Gai	275.833.707			
Công ty kho vận Hòn Gai	(23.476.324.630)			
Công ty kinh doanh than Quảng Ninh	768.415.832			
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam		57.741.288	5.163.607.981	
Trung tâm cấp cứu mỏ - TKV		77.524.398		
Công ty tư vấn QLDA ĐTXD - TKV		(150.000.000)		
Công ty cổ phần Hạ Long		523.547.676		
Công ty CP cơ khí mỏ Việt Bắc-VVMI		443.382.947		
Trung tâm XNK & Hợp tác ĐT-VVMI		48.199.485		
Công ty CP CK & TBAL - VVMI		385.555.000		
Công ty CN hoá chất mỏ Quảng Ninh		3.540.911.838		
XN SX & Cung ứng vật tư Hà Nội		34.677.500		
Công ty CP chế tạo máy - TKV		11.140.512.806		
Công ty TNHH 1TV Môi trường-TKV		6.545.413.338		
Công ty TNHH 1TV than Hòn Gai-TKV		28.095.000		
Viện khoa học CN mỏ - TKV		22.373.034.884		
Công ty PT công nghệ và TB mỏ		571.918.622		
Công ty CP Công nghiệp Ô-tô -TKV		220.537.206		
Xn vật tư vận tải Hòn Gai		(7.202.615)		
Trường CĐNM Hữu Nghị - TKV		339.540.000		
Công ty CL Du lịch & TM - TKV		525.210.000		
Công ty CP XNK than -TKV		1.056.339.944		
Công ty CP TVĐT Mỏ & CN - TKV		(300.622.569)		
Công ty CP giám định - TKV		704.129.126		
Công ty CP than Núi Béo		(19.010.490)		
Công ty CP than Hà Tu- TKV		324.686.123		
Công ty CP Thiết bị điện - TKV		1.421.497.603		
Công ty CP Cơ khí Mạo Khê - TKV		103.399.863		
Công ty CP Cơ điện Uông Bí		1.502.908.668		
Công ty CP cơ khí ô tô Uông Bí		1.052.954.331		
Công ty CP TVĐT than Uông Bí		(52.000.000)		
Trung tâm an toàn mỏ		651.126.020		
<b>CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN</b>			<b>92.535.927.829</b>	
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam			92.535.927.829	

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÀM - TKV**

Địa chỉ: Số 01 Phố Tân Lập, Phường Hà Lâm, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

---

**PHỤ LỤC CHI TIẾT GÓP VỐN VÀO CÁC CÔNG TY TRONG CÙNG TẬP ĐOÀN**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Tên công ty	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Cảng Làng Khánh - TKV	-	-
Góp vốn vào Công ty CP Bóng đá - TKV	300.000.000	3%
<b>Cộng</b>		

---